TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 30-01-2026
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

2. Bà Ngô Thị Lệ Nga.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Hồ Thị Y Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Định - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 414/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2025, về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 327/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị T, sinh ngày 05 tháng 4 năm 1982; Nơi cư trú: Ấp PLB, xã LPT, tỉnh Đồng Tháp; Có đơn xin vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Ông Dương Văn L, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1977; Nơi cư trú: Ấp PLB, xã LPT, tỉnh Đồng Tháp; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 10 năm 2025 và biên bản lấy lời khai ngày 27 tháng 12 năm 2025 của nguyên đơn bà Hồ Thị T trình bày: Bà và ông Dương Văn L cưới nhau năm 2000 không nhớ ngày, tháng, hôn nhân do do mai mối nhưng cũng thống nhất kết hôn với ông L. Vợ chồng có đăng ký kết hôn vào ngày 19 tháng 9 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã PTB, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp

(nay là Ủy ban nhân dân xã LPT, tỉnh Đồng Tháp). Sau khi cưới thì sống bên gia đình nhà chồng. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Khoảng năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, chung sống không còn hạnh phúc nữa, nguyên nhân do ông L thường xuyên uống rượu say rồi kiếm chuyện chửi mắng bà. Ngoài ra vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác. Vợ chồng không còn sống chung từ tháng 7 năm 2025 cho đến nay. Từ lúc không sống chung thì có gặp nhau nhưng không hàn gắn tình cảm. Nay nhận thấy tình cảm không còn nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Dương Văn L. Về nuôi con chung: Vợ chồng bà chung sống có được 02 con chung là Dương Kim H, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2001 và Dương Việt L1, sinh ngày 01 tháng 7 năm 2005, hiện 02 con chung đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về chia tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng bị đơn ông Dương Văn L đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Dương Văn L vẫn không có mặt và không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị T.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ các Điều 9, 14, 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Hồ Thị T được ly hôn với ông Dương Văn L; Về con chung: Hiện 02 con chung là Dương Kim H, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2001 và Dương Việt L1, sinh ngày 01 tháng 7 năm 2005, hiện đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Viện kiểm sát không đề cập giải quyết; Về tài sản chung: Bà T trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn ông L không có văn bản ghi ý kiến, nên Viện kiểm sát không đề cập giải quyết; Về nợ chung: Bà T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn ông L không có văn bản ghi ý kiến, nên Viện kiểm sát không đề cập giải quyết.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ kiện ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Nguyên đơn bà Hồ Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Dương Văn L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa sơ thẩm nhưng ông L vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Hồ Thị T và ông Dương Văn L là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn và hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét yêu cầu ly hôn của bà Hồ Thị T đối với ông Dương Văn L, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo trình bày của bà T thì cuộc sống của bà và ông L đã bắt đầu có sự mâu thuẫn, chung sống không hạnh phúc từ năm 2021, nguyên nhân do ông L thường xuyên uống rượu say rồi kiếm chuyện chửi mắng bà và cả hai đã không còn sống chung từ tháng 7 năm 2025 cho đến nay. Trong thời gian không còn sống chung thì có gặp nhau nhưng không hàn gắn tình cảm. Từ đó, có thể nhận thấy rằng mối quan hệ vợ chồng của bà T và ông L hoàn toàn không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét thấy yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"* và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, nên chấp nhận cho bà Hồ Thị T được ly hôn với ông Dương Văn L.

[4] Về việc nuôi con chung: Đối với 02 con chung là Dương Kim H, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2001 và Dương Việt L1, sinh ngày 01 tháng 7 năm 2005, hiện đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Hồ Thị T cho rằng tự thỏa thuận, nên không yêu cầu giải quyết, còn ông Dương Văn L không có văn bản ghi ý kiến, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà Hồ Thị T cho rằng không có, nên không yêu cầu giải quyết, còn ông Dương Văn L không có văn bản ghi ý kiến, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến giải quyết.

[7] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Hồ Thị T. Cho bà Hồ Thị T được ly hôn với ông Dương Văn L.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Hồ Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ đi tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 0007429 ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, bà T không phải nộp thêm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 12-Đồng Tháp;
- UBND xã LPT, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lương Bằng